TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và ông Tô Sỹ Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-DS ngày 28/11/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V.

Địa chỉ: Số 54A đường N, phường L, quận Đ, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L.

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q.

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V.

Theo giấy ủy quyền số 3897/2020/UQ-TGĐ 12 ngày 20/7/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V.

Người được ủy quyền lại:

Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1988.

Chức vụ: Giám đốc tố tụng cấp 2-Phòng tố tụng- Ngân hàng quản lý tín dụng.

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978.

Chức vụ: Trưởng nhóm tố tụng- Phòng tố tụng- Ngân hàng quản lý tín dụng.

Ông Hoàng Mạnh L, sinh năm 1989.

Chức vụ: Giám đốc tố tụng cấp 1-Phòng tố tụng- Ngân hàng quản lý tín dụng.

Cùng địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà TNR, 54 A N, phường L, quận Đ, thành phố HN.

Theo Giấy ủy quyền số 8492/2020/GUQ-TGĐ 12 ngày 07/11/2022 của ông Bùi Đức Q, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V.

Đại diện cho nguyên đơn có mặt.

2. Bị đơn:

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện P, tỉnh H.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Ngày 15/11/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V (sau đây viết tắt là ngân hàng) đã cho ông H vay tiền thể hiện tại Hợp đồng cho vay số 44/2017/HĐCV, theo hợp đồng thì ông H vay số tiền là 250.000.000 đồng, mục đích vay vốn là vay phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay thể hiện theo Khế ước nhận nợ số 44/2017/KUNN ngày 15/11/2017 là 21,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng. Thực hiện theo cam kết của hợp đồng, ngân hàng đã tiến hành giải ngân đầy đủ số tiền 250.000.000 đồng cho ông H cùng ngày 15/11/2017, thể hiện tại Khế ước nhận nợ số 44/2017/KUNN ngày 15/11/2017. Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, ông H đã trả được 82.934.644 đồng tiền nợ gốc, 47.948.080 đồng lãi trong hạn và 481.276 đồng tiền lãi quá hạn. Từ ngày 05/12/2018, ông H không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng nên số nợ gốc còn lại đã chuyển thành nợ quá hạn từ 05/12/2018 cho đến nay. Theo tính toán của ngân hàng thì ông H còn nợ còn nợ số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng và số lãi gồm lãi quá hạn, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 226.479.871 đồng . Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông H còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 393.545.227 đồng.

Vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông H phải trả cho ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 14/6/2023 là: 393.545.227 đồng . Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông H không trả được số tiền nợ gốc thì ông H còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

Ông Phạm Văn H trình bầy:

Ngày 15/11/2017, ông H vay của ngân hàng số tiền là 250.000.000 đồng thể hiện theo hợp đồng cho vay số 44/2017 ngày 15/11/2017, Khế ước nhận nợ số 44/2017/KUNN ngày 15/11/2017, mục đích vay là phục vụ đời sống cá nhân. Lãi suất vay là 21%/năm, thời hạn vay là 60 tháng. Ngoài ra hợp đồng vay còn quy định về lãi suất trong hạn và quá hạn. Việc vay mượn là cá nhân ông H vay chứ không liên quan đến ai khác. Ông H đã nhận được toàn bộ số tiền vay này. Sau khi vay, ông H chỉ nhớ đã trả được một số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng nhưng không nhớ cụ thể là trả được bao nhiêu. Từ tháng 6/2021 cho đến nay do khó khăn nên ông H không trả được số tiền nào nữa. Ông H đã được Tòa án thông báo về số tiền nợ gốc và lãi mà ngân hàng yêu cầu ông H trả nợ, ông H nhất trí về số nợ gốc và lãi như ngân hàng đã tính toán, không thắc mắc gì.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông H có quan điểm như sau:

Ông H khẳng định cho đến nay ông H còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng, số tiền nợ lãi như ngân hàng tính toán tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 208.682.317 đồng. Tổng số tiền ông H còn nợ tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 375.747.673 đồng là đúng. Ông H sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số nợ này nhưng do đang khó khăn nên ông H đề nghị ngân hàng cho được trả dần tiền nợ gốc, ông H đề nghị ngân hàng cho xin toàn bộ số tiền lãi. Ông H đã được Tòa án cho xem hợp đồng tín dụng số 44/2017 ngày 15/11/2017, Khế ước nhận nợ số 44/2017/KUNN ngày 15/11/2017 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Ông H khẳng định chữ ký và chữ viết ở phần bên đại diện khách hàng, bên vay đúng là chữ ký và chữ viết của ông H.

Ông H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa ông H và ngân hàng mà giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông H. Ông H không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết

số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng và số lãi gồm lãi quá hạn, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 226.479.871 đồng . Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông H phải trả tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 393.545.227 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 15/11/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V đã cho ông H vay tiền thể hiện tại Hợp đồng cho vay số 44/2017/HĐCV, số tiền ông H vay là 250.000.000 đồng, mục đích vay vốn là vay phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay thể hiện theo Khế ước nhận nợ số 44/2017/KUNN ngày 15/11/2017 là 21,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, tiền phạt, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng. Ông H đã nhận được số tiền 250.000.000 đồng cùng ngày 15/11/2017, thể hiện tại Khế ước nhận nợ số 44/2017/KUNN ngày 15/11/2017. Sau khi vay, ông H đã trả được 82.934.644 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn, quá hạn là 48.429.356 đồng. Từ ngày 05/12/2018, ông H không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng nên số nợ gốc còn lại đã chuyển thành nợ quá hạn từ 05/12/2018 cho đến nay. Cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/6/2023), theo tính toán của ngân hàng thì ông H còn nợ số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng và số lãi gồm lãi quá hạn, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 226.479.871 đồng . Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông H còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 14/6/2023 là: 393.545.227 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 14/6/2023 là: 393.545.227 đồng, đồng thời yêu cầu kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông H không trả được số tiền nợ gốc thì ông H còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Ông H vắng mặt nhưng lời khai của ông H cũng khẳng định cho đến nay ông H còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng, số tiền nợ lãi như ngân hàng tính toán tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 208.682.317 đồng. Tổng số tiền ông H còn nợ tạm tính đến 06/3/2023 là 375.747.673 đồng là đúng. Ông H sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số nợ này nhưng do đang khó khăn nên

ông H đề nghị ngân hàng cho được trả dần tiền nợ gốc, ông H đề nghị ngân hàng cho xin toàn bộ số tiền lãi.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông H, Hội đồng xét xử nhận định: Đây là hợp đồng vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với ông H nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích vay tiêu dùng. Do vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, ông H đã ký hợp đồng, nhận tiền, hai bên không có tranh chấp gì, nên hợp đồng có hiệu lực.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Ngày 15/11/2017, ông H đã vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V số tiền là 250.000.000 đồng. Tính đến ngày 04/12/2028, ông H đã trả được 82.934.644 đồng tiền nợ gốc và 48.429.356 đồng tiền lãi. Từ ngày 05/12/2018, ông H không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng. Cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/6/2023), ông H còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng và số lãi gồm lãi quá hạn, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 226.479.871 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông H còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 14/6/2023 là: 393.545.227 đồng. Ông H cũng xác định cho đến nay ông H còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng, số tiền nợ lãi như ngân hàng tính toán. Ông H cam kết sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số nợ này nhưng do đang khó khăn nên ông H đề nghị ngân hàng cho được trả dần tiền nợ gốc, ông H đề nghị ngân hàng cho xin toàn bộ số tiền lãi nhưng ngân hàng không chấp nhận. Mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng và không tranh chấp gì nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 275, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng và số lãi tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 226.479.871 đồng, tổng số nợ gốc, lãi ông H còn nợ tạm tính đến ngày 14/6/2023 là: 393.545.227 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; 6; khoản 2Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V.

Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V toàn bộ số tiền gồm: Toàn bộ số tiền nợ gốc là 167.065.356 đồng.

Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/6/2023) là 226.479.871 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/6/2023) ông Phạm Văn H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V là: 393.545.227 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi bẩy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 19.677.261 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải V số tiền 8.925.027 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006200 ngày 25/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn